

HOÀI THANH HOẠT CHÂN

*Thi Nhân*  
*Việt Nam*

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# THI NHÂN VIỆT NAM

HOÀI THANH - HOÀI CHÂN

**THI NHÂN  
VIỆT NAM  
1932-1941**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

*In theo bản in lần đầu*  
**NGUYỄN ĐỨC PHIÊN**  
*xuất bản năm 1942*  
*do nhà thơ Xuân Tâm cung cấp*

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hơn nửa thế kỷ trước đây, phong trào Thơ mới đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền văn học trước Cách mạng tháng Tám của đất nước. Các thi sĩ của thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản ánh khá trung thực tâm trạng của cả một lớp thanh niên tiểu tư sản trong cuộc sống có nhiều đau buồn, trăn trở và đôi khi bế tắc trước hiện trạng của đất nước thời bấy giờ. Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, Thơ mới thực sự đã thu hút được sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ và đó cũng là một đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt.

Ngay lúc bấy giờ hai tác giả Hoài Thanh và Hoài Chân đã sớm nhận ra giá trị ấy và đã kịp thời sưu tầm, giới thiệu các thành tựu của phong trào Thơ mới qua tác phẩm *Thi nhân Việt Nam* và đã cho xuất bản vào đầu năm 1942.

*Thi nhân Việt Nam* là sự khám phá và đánh giá đầu tiên đối với Thơ mới. Chúng ta đều biết việc lựa chọn tác phẩm và tác giả đương thời, nhất là những người mới xuất hiện trên văn đàn, là một việc làm hết sức khó khăn, nhưng với sự cảm thụ khá sâu sắc

va với cái nhìn tinh tế, các tác giả đã chọn được một chùm hoa giàu hương sắc trong vườn thơ mới đã gửi tặng những người yêu thơ. Chính vì thế **Thi nhân Việt Nam** đã được bạn đọc cả nước đón nhận và tán thưởng.

Để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trong và ngoài nước, nhất là của những nhà nghiên cứu, những sinh viên văn khoa và đông đảo những người yêu thơ, Nhà xuất bản Văn học cho tái bản tác phẩm **Thi nhân Việt Nam** của Hoài Thanh và Hoài Chân trong Tủ sách nghiên cứu.

Hơn nữa thế kỷ đã trôi qua, việc thẩm định lại những giá trị có thể có những thay đổi, nhưng để bảo đảm tính lịch sử của một tác phẩm đã xuất hiện trước đây, chúng tôi cho in nguyên văn của tác phẩm.

Ngoài ra để có thêm tư liệu tham khảo cho bạn đọc, chúng tôi cho in thêm Lời cuối sách.

Xin trân trọng giới thiệu **Thi nhân Việt Nam** cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tiến sĩ



**HOÀI THANH**

(Ảnh chụp năm 1935, tại Huế)

## HOÀI THANH

### Tiểu sử

Hoài Thanh tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, sinh năm 1909, ở xã Nghi Trung, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh, trong một gia đình nhà pho nghèo có tham gia phong trào chống Pháp của Phan Bội Châu. Bắt đầu học chữ Hán, chữ quốc ngữ, rồi theo học trường Pháp Việt đến bậc trung học. Có tham gia phong trào yêu nước của học sinh trong dịp hai cụ Phan về nước. Năm 1927, gia nhập Tân Việt cách mệnh đảng. Năm 1930 đang học ở trường Bưởi (Hà Nội) thì bị bắt, bị kết án treo, bị đuổi ra khỏi trường. Kế đó viết báo, lại bị bắt, bị trục xuất ra khỏi Bắc Kỳ và giải về quê.

Năm 1931 vào Huế, làm công cho một nhà in, đi dạy học tư, đồng thời viết văn, viết báo.

Tham gia tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945. Từ đó lần lượt làm giáo sư ở Đại học Hà Nội, biên tập viên Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng thư ký Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hội Văn nghệ Việt Nam. Hoài Thanh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau kháng chiến chống Pháp, làm vụ trưởng Vụ Nghệ thuật, Tổng thư ký Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Viện phó Viện Văn học và Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, ủy viên Đảng đoàn văn nghệ,



ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam và Chủ nhiệm tuần báo *Văn nghệ* cho đến đầu năm 1975.

Nhà văn Hoài Thanh mất ngày 14 - 3 - 1982 tại Hà Nội.

## Tác phẩm

*Trước Cách mạng tháng Tám:*

Viết các báo: *Phổ thông, Le Peuple, La Gazette de Huế, Tràng An, Sông Hương, Tao Đàn*. Năm 1936 cùng với Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều viết quyển *Văn chương và hành động* (bị chính quyền thực dân cấm). Năm 1941 cùng với Hoài Chân biên soạn quyển *Thi Nhân Việt Nam*.

*Sau cách mạng tháng Tám:*

Đã in: *Có một nền văn hóa Việt Nam* (1946), *Quyển sống của con người trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* (1949), *Nhân văn Việt Nam* (1949), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1951), *Nam Bộ mến yêu* (1955), *Quê hương và thời niên thiếu của Bác* (cùng viết với Thanh Tịnh 1960), *Phê bình và tiểu luận*, tập I (1960), tập II (1965), tập III (1971), *Phan Bội Châu* (1978), *Chuyện thơ* (1978). *Tuyển tập Hoài Thanh* (2 tập, 1982 - 1983).

Nhà văn Hoài Thanh mất ngày 14 - 3 - 1982 tại Hà Nội



HOÀI CHÂN

## HOÀI CHÂN

Hoài Chân, em ruột Hoài Thanh, tên thật là Nguyễn Đức Phiên, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1914 ở xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh.

Năm 1930, tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1931, giữa lúc đang học ở trường Collège Vinh (Cao đẳng tiểu học) thì bị bắt và bị kết án tù một năm.

Cuối năm 1932, sau khi ra tù, vào Huế kiếm sống đồng thời tự học để thi tú tài.

Từ 1933, làm nhà in *Đắc Lập* rồi làm báo *Tràng An* và *La Gazette de Huế* (Tờ báo thành Huế).

Cùng với Hoài Thanh và Lưu Trọng Lư xây dựng *Ngân Sơn tùng thư* (1933 - 1935)

Năm 1941, cùng với Hoài Thanh biên soạn quyển *Thi nhân Việt Nam*. Năm 1942, tự xuất bản quyển *Thi nhân Việt Nam*

Đầu năm 1945, tham gia Việt Minh rồi Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Huế.

Sau Cách mạng tháng Tám, lần lượt làm:

- Chủ nhiệm báo *Quyết chiến*, cơ quan Ủy ban nhân dân Trung Bộ.

- Phó ban tuyên huấn tỉnh ủy Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An.

- Trưởng ty Thông tin, Trưởng ty Văn hóa tỉnh Nghệ An.

- Phụ trách Nhà xuất bản Văn hóa.

- Phó giám đốc kiêm phó tổng biên tập Nhà xuất bản Văn học.

- Giám đốc kiêm tổng biên tập Nhà xuất bản Văn hóa (mới).

Đã nghỉ hưu.

*Của tin, gọi một chút này làm ghi.*

NGUYỄN DŨ



TẢN ĐÀ  
(1888 - 1939)

## CUNG CHIÊU ANH HÔN TẢN ĐÀ

Hội Tao đàn hôm nay đông đủ hầu khắp mặt thi nhân; chúng tôi một lòng thành kính xin rước anh hôn tiên sinh về chứng giám.

Anh em ở đây, tuy người sau kẻ trước, nhưng ai nấy đều là con đầu lòng của thế kỷ hai mươi. Trên hội Tao đàn, chỉ tiên sinh là người của hai thế kỷ. Tiên sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chứng giám công việc lớp người kế tiếp. Ở địa vị ấy còn có ai xứng đáng hơn tiên sinh.

Tiên sinh gần chúng tôi lắm. Tiên sinh không mang lột y phục, lột tư tưởng của chúng tôi. Nhưng có làm

gi những cái lốt. Tiên sinh đã cùng chúng tôi chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát ly ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo. Đôi bài thơ của tiên sinh ra đời từ hơn hai mươi năm trước đã có một giọng phóng túng riêng. Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa.

Nhưng dẫu sao, với chúng tôi tiên sinh vẫn là một bậc đàn anh; chúng tôi không dám xem tiên sinh như một người bạn. Tiên sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái ung dung. Đời tiên sinh tuy bơ vơ, hồn tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước. Những nỗi chật vật của cuộc sống hàng ngày, những cảnh đời éo le thường phô bày ra trước mắt, không từng làm bọn được linh hồn cao khiết của tiên sinh. Cái dáng điệu ngang tàng chúng tôi thường thấy ở các nhà thơ xưa, ở tiên sinh không bao giờ có vẻ vay mượn. Cái buồn chán của tiên sinh cũng là cái buồn chán một người trượng phu. Thở than có, nhưng không bao giờ rên rỉ.

Bởi vậy cho nên cần phải có tiên sinh trong cuộc hội họp hôm nay. Có tiên sinh người ta sẽ thấy rõ chúng tôi không phải là những quái thai của thời đại, những đứa thất cước không có liên lạc gì với quá khứ của giống nòi. Có tiên sinh, trên Tao đàn sẽ còn phảng phất chút bình yên trong tin tưởng, chút thích thẳng mà từ lâu chúng tôi đã mất.

Thôi, chúng tôi không muốn nói nhiều. Hội Tao đàn đến lúc mở. Xin tiên sinh hãy khai hội bằng ít bài thơ.

## THỀ NON NƯỚC

- Nước non nặng một lời thề,  
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.  
Nhớ lời “nguyện nước thề non”,  
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.  
- Non cao những ngóng cùng trông,  
Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày,  
Xương mai một nắm hao gầy,  
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.  
Trời tây chiếu bóng tà dương,  
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai pha.  
Non cao tuổi vẫn chưa già,  
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.  
Dù như sông cạn đá mòn,  
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.  
- Non xanh đã biết hay chưa?  
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.  
Nước non hội ngộ còn luôn,  
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.  
Nước kia dù hãy còn đi,  
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.  
- Nghìn năm giao ước kết đôi,  
Non non nước nước không nguôi lời thề.

## TỔNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên thai,  
Suối tiễn, oanh đưa, những ngậm ngùi.  
    Nửa năm tiên cảnh,  
    Một bước trần ai.  
Ước cũ duyên thừa có thể thôi.  
    Đá mòn, rêu nhạt,  
    Nước chảy, huê trôi.  
Cái hạc bay lên vút tận trời!  
Trời đất từ nay xa cách mãi.  
    Cửa động,  
    Đầu non,  
    Đường lối cũ,  
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng soi.



## MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống của nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian.

Nhưng, nhất đán, một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền tảng xưa bị một phen điên đảo, lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ.

Phải trở lại cái thời tổ tiên ta mới tiếp xúc với người Trung Hoa, hơn nữa, phải trở lại cái thời giống người Anh đô nê diêng<sup>(1)</sup> lần thứ nhất để chân vào lưu vực sông Hồng Hà mới hòng tìm được một cuộc biến thiên quan trọng như vậy.

Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ

---

(1) Tôi không tin rằng người Việt Nam vốn quê hương trên sông Dương Tử.

lòng chưa bao giờ từng thấy. Lúc đầu, ai nấy đều ngơ ngác, không hiểu ra làm sao. Nhưng rồi chúng ta quen dần.

Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào dầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đừng tưởng tôi nguy biện. Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông. Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư tưởng mới. Trong công cuộc duy tân, ảnh hưởng của nó ít ra cũng ngang với ảnh hưởng những sách nghị luận của hiền triết Âu Mỹ, cùng những sách cổ động của Khang, Lương. Sĩ phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng Tử, bắt đầu dẫn Mạnh Đức Tư Cư với Lư Thoa. Họ bắt đầu viết quốc ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ ràng, cái sáng sủa của văn tây. Những tư tưởng phương Tây đầy dẫy trên *Đông Dương tạp chí*, trên *Nam Phong tạp chí*, và từ hai cơ quan ấy thấm dần vào các hạng người có học. Người ta đua nhau cho con em đến trường Pháp Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt Nam đậu kỹ sư, đậu bác sĩ, đậu thạc sĩ; có những người Việt Nam nghiên cứu khoa học, triết học; và

có những người Việt Nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt Nam.

Bấy nhiêu sự thay đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! Năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế kỷ! Nhưng cuộc Âu hóa không phải chỉ có thế. Nó đã đi qua hai giai đoạn: hình thức và tư tưởng; nó còn phải đi qua một giai đoạn nữa. Nó đã thay đổi những tập quán sinh hoạt hàng ngày, nó đã thay đổi cách ta vận động tư tưởng, tất nó sẽ thay đổi cả cái nhịp rung cảm của ta nữa. Những hình thức mới của cuộc đời, những tư tưởng mới và nhất là ảnh hưởng văn học Pháp ngày một thâm thía, ấy là những lợi khí Âu hóa trong giai đoạn thứ ba này.

Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu, ghét, giận hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có chừng ấy mối tình như con người muôn nơi và muôn thuở. Nhưng sống trên đất Việt Nam ở đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại. "... Các cụ ta ưa những màu đỏ choét; ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya; ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi... cái tình trong giây phút, cái tình ngàn

thu...” Mấy câu nói xô bồ, liêu lĩnh mà tha thiết của Ô. Lưu Trọng Lư ở nhà Học hội Quy Nhơn hồi *Juin* 1934 đã vạch rõ tâm lý của lớp thanh niên chúng ta.

Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cõi trời cho thi ca chỉ là cái khát vọng nói rõ những điều kín nhiệm u uất, ***cái khát vọng được thành thực***. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn. Chính Ô. Lưu Trọng Lư cũng đã viết trong quyển *Người sơn nhân hồi mai* 1933: “Người thanh niên Việt Nam ngày nay dương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ”.

Đã thế, không thể xem phong trào thơ mới là một chuyện lập dị do một bọn dốt nát bày đặt ra để kiếm chỗ ngồi trong làng thơ. Nó là kết quả không thể không có của một cuộc biến thiên vĩ đại bắt đầu từ hồi nước ta sát nhập đế quốc Pháp và, xa hơn nữa, từ hồi Nguyễn - Trịnh phân tranh, lúc người Âu mới đến. Cái ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ấy đã đem theo cùng với hàng hóa phương Tây, cái mầm sau này sẽ nảy thành thơ mới.

\*

Nhưng tìm nguồn gốc thơ mới mà chỉ nói xa xôi thế, công việc nhà viết sử cũng khí dễ dàng. Ta hãy tìm những nguyên nhân gần gũi hơn cùng những triệu chứng của phong trào thơ mới.

Đã lâu, người mình làm thơ hầu hết chỉ làm những bài tám câu, mỗi câu bảy chữ. Theo Ô. Phan Khôi<sup>(1)</sup>,

---

(1) *Chương dân thi thoại* (nhà in Đắc Lập, Huế, 1936) tr.45-46.